



ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 2 trang)

GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: VẬT LÝ - LỚP 10

Thời gian làm bài: 45 phút, không kể thời gian phát đề

Phát hành ngày 26/08/2026

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề: L10.GK1.003

TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Ngay sau bước “lập kế hoạch kiểm tra giả thuyết” là bước nào?

- A. Quan sát, nêu vấn đề cần tìm hiểu
B. Hình thành giả thuyết
C. Thực hiện kế hoạch, thu thập số liệu
D. Công bố kết luận rồi mới đi tìm số liệu ủng hộ

Câu 2. Gia tốc của một vật được định nghĩa là

- A. độ biến thiên quãng đường chia cho thời gian.
B. độ biến thiên vận tốc chia cho khoảng thời gian xảy ra biến thiên đó.
C. vận tốc chia cho thời gian chuyển động.
D. quãng đường chia cho bình phương thời gian.

Câu 3. Một cảm biến dịch chuyển có thể vừa **lệch điểm không** vừa **sai hệ số thang đo**: trong miền làm việc, số chỉ thị và chiều dài thật liên hệ với nhau bởi $r = aL + b$ ($a > 0$, a, b đều chưa biết). Kỹ thuật viên đo lặp ba lần mỗi đối tượng:

Dãy đo	Số chỉ thị (mm)
Chuẩn 0 (không tải): r_0	0, 3 0, 32 0, 34
Chuẩn chiều dài L_S : r_S	36, 92 36, 96 36, 96
Chi tiết cần kiểm: r_X	22, 46 22, 46 22, 48

Chuẩn chiều dài có $L_S = 37$ mm (sai số của chuẩn nhỏ hơn mức hiển thị, bỏ qua). Độ chia nhỏ nhất của cảm biến là $\delta = 0,02$ mm. **Quy ước lập khoảng chỉ thị.** Với mỗi dãy, lấy c là giá trị trung bình, Δ bằng **độ lệch tuyệt đối trung bình cộng nửa độ chia** khoảng chỉ thị là $[c - \Delta; c + \Delta]$. Ba khoảng của ba dãy coi là độc lập. **Quy ước báo cáo và nghiệm thu.** Hai cận của khoảng L_X được làm tròn **hướng ra ngoài** đến 0,01 mm (cận dưới làm tròn xuống, cận trên làm tròn lên). Chi tiết chỉ được công nhận **đạt** khi **toàn bộ** khoảng ấy nằm trong dung sai $[22, 3; 22, 35]$ mm. Báo cáo nào đúng?

- A. $L_X \in [22, 32; 22, 42]$ mm — **không đạt** dung sai
B. $L_X \in [22, 37; 22, 38]$ mm — **không đạt** dung sai
C. $L_X \in [22, 46; 22, 54]$ mm — **không đạt** dung sai
D. $L_X \in [22, 32; 22, 42]$ mm — **đạt** dung sai

Câu 4. Một con robot có vận tốc 4,7 m/s so với mặt đường. Một ô tô chạy cùng chiều dương với vận tốc 7 m/s. Vận tốc của một con robot so với ô tô bằng (làm tròn đến hàng phần mười).

- A. 7 m/s
B. -2,3 m/s
C. 11,7 m/s
D. 4,7 m/s

Câu 5. Trong hệ SI, đơn vị của khối lượng là

- A. m
B. kg
C. K
D. s

Câu 6. Đồ thị vận tốc – thời gian của một vật gồm hai đoạn: từ (0 s; 0 m/s) tới (5 s; 20 m/s), rồi giữ nguyên vận tốc 20 m/s thêm 9 s nữa. Độ dịch chuyển của vật trong giai đoạn thứ nhất bằng

- A. 50 m B. 100 m C. 20 m D. 0 m

Câu 7. Trên đồ thị độ dịch chuyển – thời gian, độ dốc của đồ thị cho biết

- A. vận tốc của vật. B. độ cao của địa hình mà vật đang đi qua.
C. gia tốc của vật. D. quãng đường vật đi được.

Câu 8. Thả rơi tự do một hòn đá từ trạng thái nghỉ. Lấy $g = 10 \text{ m/s}^2$. Sau 6 s, một hòn đá rơi được quãng đường

- A. 60 m B. 360 m C. 30 m D. 180 m

Câu 9. Một vật được ném ngang từ nóc một toà nhà ở độ cao 125 m với vận tốc đầu 11 m/s. Lấy $g = 10 \text{ m/s}^2$, bỏ qua sức cản không khí. Thời gian từ lúc ném tới lúc chạm đất bằng

- A. 4 s B. 13 s C. 5 s D. 11 s

Câu 10. Khi thấy biển báo hình tam giác vàng có ngọn lửa, học sinh phải làm gì?

- A. Tắt nguồn, tháo mạch rồi mới cất dụng cụ.
B. Bắt buộc đeo kính bảo hộ khi làm việc ở khu vực này.
C. Ngắt nguồn điện ngay rồi báo giáo viên.
D. Khu vực có chất dễ cháy, không mang nguồn lửa lại gần.